TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 03 - 2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Song Hoàn.

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1052/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Thu C, sinh năm 1982;

Hộ khẩu thường trú: Số 424/5 đường C, phường N, thành phố V, tỉnh T.

Địa chỉ hiện nay: Số 7/4/4 Mai L, phường N, thành phố V, tỉnh T. (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Vũ Ái Q, sinh năm 1976;

Hộ khẩu thường trú và địa chỉ hiện nay: Số 424/5 đường C, phường N, thành phố V, tỉnh T. (vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/10/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thu C trình bày: Bà và ông Vũ Ái Q tự nguyện tìm hiểu nhau, kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố V, tỉnh T vào ngày 20/9/2000. Sau khi kết hôn, bà và ông Q sống với nhau không hạnh phúc. Vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, ông Q thường vắng nhà và không quan tâm đến gia đình. Năm 2018, bà cùng các con dọn ra ngoài ở riêng cho đến nay. Nhiều lần bà cố gắng hàn gắn cuộc hôn nhân vì con nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn kéo dài không giải

quyết được. Vợ chồng không còn sống chung nên tình cảm vợ chồng không còn, bà Trúc cảm thấy sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trúc yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà C và ông Q có bốn con chung tên là Vũ Trần Quỳnh Y, sinh ngày 06-02-2001; cháu Vũ Trần Ngọc H, sinh ngày 31-7-2004; cháu Vũ Trần Tuấn K, sinh ngày 08-8-2008 và cháu Vũ Trần Đoan L, sinh ngày 13-5-2012. Ngoài ra bà không có con nuôi. Các cháu Quỳnh Y, Ngọc H đã đủ tuổi trưởng thành khỏe mạnh, bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà C có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, cháu L và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Vũ Ái Q: Ông Vũ Ái Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Q không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71, 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Mâu thuẫn giữa bà C và ông Q đã trầm trọng, không thể hàn gắn làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xét con chung là cháu Vũ Trần Quỳnh Y, sinh ngày 06-02-2001; cháu Vũ Trần Ngọc H, sinh ngày 31-7-2004 đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét. Cháu Vũ Trần Tuấn K, sinh ngày 08-8-2008 và cháu Vũ Trần Đoan L, sinh ngày 13-5-2012 còn nhỏ cần được sự chăm sóc của mẹ và các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy đề nghị chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K và cháu L của nguyên đơn. Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Thu C có đơn khởi kiện ly hôn với ông Vũ Ái Q, ông Q có địa chỉ cư trú tại thành phố V nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo

quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Trần Thị Thu C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Vũ Ái Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu C và ông Vũ Ái Q tự nguyện tìm hiểu nhau, kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố V, tỉnh T vào ngày 20/9/2000 theo đúng quy định về đăng ký kết hôn tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên đơn bà C cho rằng do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu mẫu kéo dài không giải quyết được dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chia sẻ cùng nhau. Do không thể tiếp tục sống chung với nhau, tình cảm của bà dành cho ông Q không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Qua xác minh tại địa phương cho biết bà C và ông Q có mâu thuẫn với nhau. Qua đó thể hiện việc bà C và ông Q mâu thuẫn với nhau là có thật.

Xét thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc.Vợ chồng phải quan tâm, yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ cho nhau về mọi mặt. Về phía bị đơn ông Q đã được triệu tập nhiều lần đến làm việc nhưng ông Q không đến và cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của bà C, chứng tỏ ông Q không có ý muốn hàn gắn gia đình. Xét tình trạng mâu thuẫn giữa bà C và ông Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc bà C yêu cầu được ly hôn với ông Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà C và ông Q có bốn con chung tên là Vũ Trần Quỳnh Y, sinh ngày 06-02-2001; cháu Vũ Trần Ngọc H, sinh ngày 31-7-2004; cháu Vũ Trần Tuấn K, sinh ngày 08-8-2008 và cháu Vũ Trần Đoan L, sinh ngày 13-5-2012. Ngoài ra bà C không có con nuôi. Các cháu Quỳnh Y, Ngọc H đã đủ tuổi trưởng thành khỏe mạnh, bình thường nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà C có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, cháu L và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Xét về điều kiện thì bà C có điều kiện kinh tế, đủ khả năng để nuôi dạy con chung. Từ lúc nhỏ cho đến nay cháu K và cháu L đều ở với mẹ được mẹ lo việc sinh hoạt, học tập và phát triển về thể chất, tinh thần. Theo nguyện vọng của cháu K và cháu L muốn được ở với mẹ phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do vậy yêu cầu được nuôi con chung cháu K và cháu L của bà Trần Thị Thu C là có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trúc không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 203, Khoản 1 Điều 227, 228, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu C đối với bị đơn ông Vũ Ái Q về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu C được ly hôn với ông Vũ Ái Q.

2.Về con chung: Có bốn con chung tên là Vũ Trần Quỳnh Y, sinh ngày 06-02-2001; Vũ Trần Ngọc H, sinh ngày 31-7-2004; Vũ Trần Tuấn K, sinh ngày 08-8-2008 và Vũ Trần Đoan L, sinh ngày 13-5-2012. Ngoài ra bà C không có con nuôi. Các con Quỳnh Y, Ngọc H đã đủ tuổi trưởng thành khỏe mạnh, bình thường nên Tòa án không xem xet giải quyết. Giao cháu Vũ Trần Tuấn K và cháu Vũ Trần Đoan L cho bà Trần Thị Thu C trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Vũ Ái C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Vũ Ái C có quyền thăm và chăm sóc các con chung không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Thu C phải nộp số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003567 ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.Bà Trần Thị Thu C đã nộp xong án phí hôn nhân.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời

hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Ủy ban nhân dân p.S, Tp. V, tỉnh T;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Lương